|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆPVÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 03/TBSB-BVTV | *Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2020* |

**THÔNG BÁO**

**TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU 7 NGÀY**

**TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 11/01/2019 đến ngày 16/01/2020*)

**Phần thứ 1**

**TÌNH HÌNH SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG**

**1. Các tỉnh Bắc bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Mạ chiêm xuân sớm  | Gieo 3-5 lá, nhổ cấy  | 18.744 |
| - Lúa sạ  | Gieo. đẻ nhánh  | 766 |
| - Lúa cấy  | Bén rễ, hồi xanh, đẻ nhánh | 13.777 |
| - Ngô đông | PT bắp, thu hoạch  | 31.368 |
| - Khoai tây | PT củ, thu hoạch  | 6.638 |
| - Rau họ thập tự | PTTL, thu hoạch | 45.241 |
| - Cam, quýt, bưởi | PT quả - thu hoạch | 50.112 |
| - Nhãn, vải | Phát triển lộc, chăm sóc  | 74.805 |
| - Sắn | PT củ - tích lũy tinh bột | 45.168 |
| - Chè | PT búp - đốn  | 89.531 |
| - Cà phê | PT quả, TH  | 21.024 |
| - Cao su | KTCB, thu hoạch nhựa | 23.202 |

**2. Các tỉnh Bắc Trung bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Lúa đông xuân  - Lúa gieo  | Mạ , 3-4 lá Bén rễ, hồi xanh , đẻ nhánhCấy  | 1.71176.15915.473 |
| - Ngô | Nhiều giai đoạn  | 29.868 |
| - Rau các loại, ớt  | Cây con - PT thân lá - TH | 10.436 |
| - Lạc Đông | Thu hoạch  | 218 |
| - Cam, chanh | Thu hoạch, Phân hóa hoa  | 24.148 |
| - Mía | Tích lũy đường. chín  | 53.913 |
| - Hồ tiêu | Ra hoa, PT quả  | 3.813 |
| - Cà phê | Nuôi quả - thu hoạch | 5.624 |
| - Cao su | KTCB - KD | 76.610 |
| - Chè | KTCB - KD | 13.421 |
| - Cây sắn | PTTL - củ  | 54.318 |
|  | Trồng mới  | 11.097 |
| - Luồng | KTCB - KD | 83.756 |
| - Thông  | KTCB-KD | 104.806 |
| * Keo bạch đàn
 | KTCB – KD | 283.371 |

**3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây lúa: |  | 224.254 |
| *Vụ Đông Xuân cực sớm* | *Đứng cái, làm đòng*  | *1.668* |
| *Vụ Đông Xuân sớm*  | *Đẻ nhánh , đứng cái*  | *40.169* |
| *Vụ Đông xuân Chính vụ* | *Mạ, đẻ nhánh*  | *185.512* |
| *Vụ Đông Xuân muộn* | *Mạ*  | *25.210* |
| - Cây cà phê | Cuối thu hoạch, chăm sóc sau thu hoạch  | 633.662 |
| - Tiêu | Chắc quả, chín  | 94.512 |
| - Cây điều | Ra lộc non, ra hoa quả non  | 114.024 |
| - Cao su | Rụng lá sinh lý, thay lá  | 295.489 |
| - Cây rau màu | Nhiều giai đoạn | 36.489 |
| - Đậu đỗ  | Chắc hạt - thu hoạch | 2.206 |
| - Lạc  | Cây con PTTL  | 14.989 |
| - Ngô  | nhiều giai đoạn  | 102.247 |
| - Cây sắn  | TH, PTTL, nuôi củ  | 221.991 |
| - Mía | Chín sinh lý thu hoạch | 96.346 |
| - Thanh long | Chăm sóc - Thu hoạch | 29.272 |
| - Sầu riêng | Chăm sóc | 13.518 |
| - Cây chè | Chăm sóc -Thu hoạch | 13.412 |
| - Cây dừa | Nhiều giai đoạn | 10.998 |

**4. Các tỉnh Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Lúa Thu Đông - Mùa | Đã thu hoạch 878.489/919.650 ha. Diện tích còn lại đang tập chung chín |
| Lúa Đông Xuân 2019-2020 |  | *1.561.591* |
|  | *Mạ* | *175.362* |
|  | *Đẻ nhánh* | *370.703* |
|  | *Đòng-trỗ* | *685.200* |
|  | *Chín* | *209.732* |
|  | *Thu hoạch* | *120.594* |
| - Cây ngô | Các giai đoạn | 20.207 |
| - Cây có múi | Ra cơi, PT thân lá  | 106.141 |
| - Cây rau màu | Các giai đoạn  | 60.542 |
| - Cây thanh long | Ra hoa - thu hoạch | 23.077 |
| - Cây nhãn | Ra cơi, PTTL  | 29.720 |
| - Cây cà phê | Nuôi quả | 35.882 |
| - Cây hồ tiêu | Ra hoa, nuôi quả  | 48.384 |
| - Cây điều | Ra hoa, đậu quả  | 187.306 |
| - Cây dừa | Các giai đoạn | 154.187 |
| - Cây sắn | Thu hoạch, cây con, PTTL | 52.037 |
| - Cây mía | Đẻ nhánh, vươn lóng, thu hoạch  | 23.908 |

***\* Ảnh hưởng do nhiễm mặn:***

*Tỉnh Kiên Giang có 353,2 ha lúa bị ảnh hưởng do khô hạn và nhiễm mặn. Trong đó:*

*- Lúa vụ Mùa: 127 ha bị nhiễm mặn tỷ lệ thiệt hại 100% .*

*- Lúa vụ Đông Xuân :*

*+ 49.2 ha bị khô hạn tỷ lệ thiệt hại 30-70%*

+ *177 ha bị nhiễm mặn: tỷ lệ thiệt hại 30-70%: 20 ha.*

**Phần thứ 2**

**SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG**

**I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI VÀ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN**

**1. Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

**1.1. Cây lúa**

***- Rầy hại lúa****:* Diện tích nhiễm 6.629 ha (giảm 3.952 ha so với kỳ trước, giảm 30.702 ha so với CKNT), phòng trừ 13 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bình Thuận, Lâm Đồng...

***- Bệnh đạo ôn***

*+ Bệnh đạo ôn hại lá:* Diện tích nhiễm 23.796 ha (tăng 476 ha so với kỳ trước, giảm 9.721 ha so với CKNT), phòng trừ 120 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh Duyên Hải nam Trung bộ.

*+ Bệnh đạo ôn cổ bông:* Diện tích nhiễm 854 ha (giảm 986 ha so với kỳ trước, giảm 1.269 ha so với CKNT). Tập trung các tỉnh phía Nam.

***- Bệnh khô vằn:*** Diện tích nhiễm 3.393 ha (tăng 3.270 ha so với kỳ trước, giảm 3.033 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Gia Lai, Bình Thuận, Hậu Giang, Vĩnh Long,...

***- Bệnh đen lép hạt:*** Diện tích nhiễm 3.083 ha (giảm 622 ha so với kỳ trước, giảm 3.033 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam và các tỉnh Duyên Hải nam Trung bộ.

***- Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 5.448 ha (tăng 1.069 ha so với kỳ trước, giảm 5.660 ha so với CKNT). Phân bố ở các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh..

***- Sâu cuốn lá nhỏ:*** Diện tích nhiễm 3.329 ha (giảm 817 ha so với kỳ trước, giảm 7.153 ha so với CKNT). Tập trung tại tỉnh Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long,...

 ***- Sâu đục thân***: Diện tích nhiễm 1.416 ha (giảm 150 ha so với kỳ trước, tăng 262 ha so với CKNT). Phân bố tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa, Gia Lai, Ninh Thuận, …

***- Chuột****:* Diện tích hại 4.136 ha (giảm 331 ha ha so với kỳ trước, tăng 656 ha so với CKNT). Phân bố ở các tỉnh Bình Thuận, Phú Yên, Sóc Trăng, An Giang, Long An…

- **OBV**: Diện tích hại 2.854 ha (tăng 382 ha so với kỳ trước, giảm 2.698 ha so với CKNT). Phân bố ở các tỉnh phía Nam.

**1.2. Cây ngô:**

**-** Sâu keo mùa thu nhiễm 1.050 ha (tăng 375 ha so với kỳ trước), diện tích nhiễm nặng 43 ha, phòng trừ 336 ha. Phân bố ở hầu hết các tỉnh trồng ngô trong cả nước. Hại nặng một số tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

- Bệnh lùn xoắn cây ngô: Phát sinh gây hại cục bộ, diện tích nhiễm 12,75 ha tương đương tuần trước, tỷ lệ cây bị hại 2-3%, cao 5-7%, cục bộ 15-20%. Phân bố ở huyện Hương Khê và Vũ Quang, Hà Tĩnh (12,0ha) và Nghệ An (0,75ha).

**1.3. Các loại rau, màu:** Bệnh xoăn lá virus trên cây cà chua, bệnh sưng rễ, bọ nhảy, bệnh mốc sương, sâu tơ, bọ nhảy… gây hại nhẹ đến trung bình.

**1.4. Cây nhãn, vải*:*** Bệnh chổi rồng nhãn diện tích nhiễm 1.970 ha (tương đương so với kỳ trước, giảm 2.384 ha so với CKNT), nhiễm nặng 466 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

**1.5. Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu diện tích nhiễm 1.296 ha (tăng 509 ha so kỳ trước, giảm 1.714 ha so với CKNT), nặng 01 ha, phòng trừ 600 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

**1.6. Cây dừa:** Bọ cánh cứng hại diện tích 8.029 ha (tăng 74 ha so với kỳ trước, giảm 1.767 ha so với CKNT), nặng 232 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Cà Mau, Bến Tre, Tiền Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Trà Vinh, Đồng Nai.

**1.7. Cây hồ tiêu**

***- Tuyến trùng rễ***: Diện tích nhiễm 4.394 ha (tăng 148 ha so với kỳ trước, tăng 802 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.228 ha. Tập trung tại các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Phú Yên…

***- Bệnh chết chậm***: Diện tích nhiễm 4.236 ha (tăng 526 ha so với kỳ trước, tăng 86 ha so với CKNT), nhiễm nặng 868 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam bộ

***- Bệnh chết nhanh***: Diện tích nhiễm 551 ha (giảm 254 ha so với kỳ trước, giảm 660 ha so với CKNT), nhiễm nặng 11 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam bộ.

**1.8. Cây cà phê**

***- Bệnh khô cành:*** Diện tích nhiễm 13.805 ha (tăng 814 ha so với kỳ trước, tăng 3.299ha so CKNT), nhiễm nặng 50 ha, phòng trừ 4.611 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai...

***- Bệnh gỉ sắt:*** Diện tích nhiễm 9.010 ha (giảm 100 ha so với kỳ trước, tăng 354 ha so CKNT), nặng 95 ha, phòng trừ 3.739 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Khánh Hòa, Gia Lai, ...

***- Bọ xít muỗi:*** Diện tích nhiễm 2.188 ha (giảm 75 ha so với kỳ trước, giảm 1.490ha tương đương so với CKNT). Tập trung tại Lâm Đồng.

**1.9. Cây chè:** Bọ xít muỗi, diện tích nhiễm 1.929 ha (tăng 07 ha so với kỳ trước, giảm 127 ha so với CKNT), phòng trừ 1.600 ha. Phân bố tại các tỉnh Lâm Đồng, Phú Thọ, Thái Nguyên, Yên Bái, Gia Lai.

**1.10. Cây sắn (mì):** Bệnh khảm lá virus, diện tích nhiễm 34.374 ha (tăng 493 ha so với kỳ trước, tăng 15.462 ha so với CKNT), nhiễm nặng 4.509 ha

Bệnh đang gây hại tại 20 tỉnh: Tây Ninh, Bình Phước (không báo cáo số liệu), Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum, Bình Thuận, Ninh Thuận, Phú Yên, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, An Giang, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Thanh Hóa, Quảng Trị

**1.11. Cây điều**

***- Bọ xít muỗi:*** Diện tích nhiễm 6.475 ha (tăng 5.708 ha so với kỳ trước, 5.476 ha so với CKNT), phòng trừ 3.531 ha. Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Đăk lăk, Gia Lai, Lâm Đồng…

***- Bệnh thán thư:*** Diện tích nhiễm 12.186 ha (tăng 2.911 ha so với kỳ trước, giảm 23.594 ha so với CKNT), phòng trừ 3.283 ha. Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Đăk Lăk, Gia Lai…

***- Sâu đục thân cành:*** Diện tích nhiễm 5.610 ha (tăng 1.757 ha so với kỳ trước, giảm 1.846 ha so với CKNT). Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Gia Lai, Lâm Đồng…

**2. Công tác chỉ đạo triển khai, thực hiện**

- Chỉ đạo các tỉnh trồng ngô tiếp tục thực hiện Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô.

- Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tập trung theo dõi diễn biến sâu năn (muỗi hành), rầy nâu vào đèn, lấy mẫu giám định xác định tỷ lệ rầy nâu nhiễm virus vàng lùn, lùn xoắn lá và theo dõi tiến độ xuống giống vụ Đông Xuân 2019 – 2020 để phục vụ công tác chỉ đạo phòng chống SVGH. Chỉ đạo các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Long An, Tiền Giang tăng cường các biện pháp quản lý sâu năn hiệu quả.

- Các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam bộ chủ động biện pháp phòng chống các SVGH như: bệnh chết nhanh, chết chậm hại hồ tiêu; bệnh nứt thân xì mủ trên cây sầu riêng và bọ xít muỗi, bệnh thán thư trên cây điều.

- Các tỉnh trồng sắn tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt.

**II. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG**

**1.1. Trên lúa**

**a) *Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên***

- Rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn...gây hại trên lúa ở giai đoạn đòng đến trỗ chín.

- Bọ trĩ, ruồi đục nõn, sâu năn...gây hại ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh.

- Chuột: Gây hại nhẹ trên các trà lúa, nặng hại cục bộ.

- OBV: Lây lan theo nguồn nước.

***b) Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long***

- Rầy nâu: phổ biến tuổi 5- trưởng thành, xuất hiện và gây hại chủ yếu ở mức nhẹ đến trung bình.

- Bệnh đạo ôn lá, bệnh bạc lá, bệnh khô vằn, sâu đục thân... tiếp tục phát triển gây hại trên ở giai đoạn đẻ nhánh đến đòng trỗ; Chuột gây hại ở giai đoạn đòng trỗ đến chín; OBV gây hại giai đoạn mạ.

- Muỗi hành (sâu năn): xuất hiện cục bộ ở giai đoạn lúa đẻ nhánh-đòng tại một số địa phương. Kết hợp với thời tiết se lạnh, trời âm u, có sương mù là điều kiện thích hợp cho muỗi hành phát sinh phát triển. Các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Long An, Tiền Giang cần theo dõi chặt chẽ đối tượng này để có biện pháp quản lý hiệu quả.

**1.2. Trên cây trồng khác**

- **Trên cây ngô**: sâu keo mùa thu tiếp tục phát sinh gây hại.

- Trên cây rau, màu: sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy, sâu khoang, ruồi đục lá, bệnh phấn trắng, bọ trĩ, nhện đỏ… phát sinh gây hại nhẹ; bệnh xoăn lá virus tiếp tục gây hại trên cây cà chua.

**- Cây ăn quả có múi**:Ruồi đục quả, nhện đỏ, rệp sáp, sâu vẽ bùa.... tiếp tục hại; Bệnh chảy gôm, bệnh loét, bệnh vàng lá thối rễ tiếp tục phát sinh gây hại xu hướng tăng tại các vùng chuyên canh.

**- Cây nhãn, vải:** bệnh chổi rồng nhãn tiếp tục gây hại tại các tỉnh phía Nam.

**- Cây chè**: Bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, rầy xanh, bệnh thối búp, bệnh phồng lá ... tiếp tục gây hại.

**- Cây mía**: Bệnh trắng lá, bệnh chồi cỏ, sâu non bọ hung, sâu non xén tóc...tiếp tục gây hại cục bộ tại vùng ổ dịch, nặng hại cục bộ.

**- Cây sắn**: Bệnh khảm lá tiếp tục gây hại, có khả năng phát sinh gây hại tăng; rệp sáp bột hồng tái xuất hiện và gây hại tại địa phương đã từng phát hiện trước đây.

**- Cây cà phê**: Bọ xít muỗi tiếp tục gây hại trên cà phê chè ở Lâm Đồng; bọ cánh cứng tiếp tục gây hại trên cây cà phê ở giai đoạn kiến thiết cơ bản ở Kon Tum, Đắk Lắk,rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành, khô quả, mọt đục quả, bệnh thán thư, bệnh gỉ sắt... tiếp tục gây hại.

**- Cây hồ tiêu:** Tuyến trùng hại rễ, bệnh chết nhanh, bệnh gỉ sắt, bệnh thán thư, bệnh chết chậm, rệp các loại... tiếp tục gây hại.

- **Cây điều**: Bọ xít muỗi, sâu đục thân/cành, bệnh khô cành...tiếp tục gây hại tăng ở giai đoạn PTTL, ra lộc non.

- **Cây sầu riêng***:* Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư...gây hại nhẹ.

- **Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu, thán thư, thối rễ tóp cành phát sinh gây hại.

- **Cây dừa:** Bọ cánh cứng, bệnh thối nõn... tiếp tục gây hại.

**Phần thứ 3**

**ĐỀ NGHỊ**

**1. Các tỉnh phía Bắc**

 - Chỉ đạo các tỉnh theo dõi và phòng chống sinh vật gây hại cây trồng dịp Tết Nguyên đán theo công văn số 121/BVTV-TV ngày 16/01/2020.

 - Thường xuyên theo dõi chặt chẽ nguồn sâu chuyển vụ trên lúa, mạ, gốc rạ, bờ cỏ; điều tra, chủ động phòng trừ sâu keo mùa thu trên ngô đông.

 - Tăng cường và chủ động các biện pháp công tác diệt chuột trên các cây trồng vụ Đông.

 - Tiếp tục theo dõi SVGH trên ngô, rau họ hoa thập tự, cà chua, khoai tây, cây lạc, đậu tương, cây hoa, cây ăn quả, cây công nghiệp và cây lâm nghiệp. Tổ chức phun trừ cho những nơi có mật độ sâu, tỷ lệ bệnh hại cao.

 **2. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

 - Chỉ đạo các tỉnh theo dõi và phòng chống sinh vật gây hại cây trồng dịp Tết Nguyên đán theo công văn số 121/BVTV-TV ngày 16/01/2020.

- Tăng cường điều tra, theo dõi diễn biến và chủ động các biện pháp phòng chống rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh đạo ôn, ... trên lúa.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 về việc tăng cường công tác phòng, chống sâu keo mùa thu hại ngô, quy trình Bộ ban hành và văn bản Cục BVTV đã hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV.

- Theo dõi rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành, ... trên cà phê; bọ xít muỗi hại cà phê chè, bọ cánh cứng hại cà phê giai đoạn kiến thiết cơ bản ở Đăk Lăk, Kon Tum; Bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng rễ, ... trên cây tiêu; bọ xít muỗi, bệnh thán thư, sâu đục thân cành hại cây điều; bệnh thối cành, thối quả, bệnh thối rễ tóp cành... hại trên cây thanh long; bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư, ... hại trên cây sầu riêng.

- Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus đang phát sinh gây hại gia tăng, đề nghị các tỉnh tăng cường theo dõi diễn biến bệnh, rà soát kỹ diện tích nhiễm sắn ở địa phương, chỉ đạo tiêu hủy triệt để nguồn bệnh tránh lây lan diện rộng.

- Chủ động các biện pháp phòng chống chuột ngay từ đầu vụ.

**3. Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long**

 - Chỉ đạo các tỉnh theo dõi và phòng chống sinh vật gây hại cây trồng dịp Tết Nguyên đán theo công văn số 121/BVTV-TV ngày 16/01/2020.

 - Tăng cường công tác điều tra, phát hiện nắm chắc diễn biến của các đối tượng SVGH trên lúa, chủ động các biện pháp phòng chống. Đồng thời, theo dõi tiến độ xuống giống vụ Đông Xuân 2019 – 2020. Chú ý quản lý tốt nguồn rây nâu tại chỗ , tránh để lây lan truyền bệnh VL-LXL cho cây lúa non.

- Do điều kiện thời tiết hiện nay rất thích hợp sâu năn phát sinh phát triển, cảnh báo các địa phương theo dõi sát đối tượng này, nhất là trong đợt gieo sạ.

- Tiếp tục theo dõi sát diện tích và mức độ nhiễm bệnh khảm lá sắn, tiêu hủy các diện tích bị nhiễm bệnh nặng; khuyến cáo nông dân để giống, trồng giống sạch bệnh theo quy trình của Cục Trồng trọt đã ban hành.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 về việc tăng cường công tác phòng, chống sâu keo mùa thu hại ngô, quy trình Bộ ban hành và văn bản Cục BVTV đã hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV.

- Tiếp tục theo dõi diễn biến thời tiết và tình hình SVGH trên cây lúa và các cây trồng khác để có biện pháp quản lý phù hợp./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Lãnh đạo Cục BVTV;- Phòng KH, HTQT&TT (đưa website Cục);- Trung tâm BVTV vùng;- Trung tâm tin học thống kê của Bộ;- Báo NNVN; Đài VTC16;- Lưu: VT, BVTV.  | **KT. CỤC TRƯỞNG****PHÓ CỤC TRƯỞNG****Nguyễn Quý Dương** |

 | **KT. CỤC TRƯỞNG**369**PHÓ CỤC TRƯỞNG****Nguyễn Quý Dương** |

**DIỆN TÍCH NHIỄM DỊCH HẠI CHỦ YẾU TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 11/01/2019 đến ngày 16/01/2019*)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sinh vật gây hại** | **Diện tích nhiễm (ha)** | **DTN nhiễm so** | **DTPT (ha)** | **Phân bố tập trung** |
| **Tổng số** | **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| 1 | Đạo ôn lá hại lúa | 23.796 | 22.910 | 886 |  | 476 | -9.721 | 120 | BT. LĐ. NT. ST. KG. BL. LA. VL. ĐT |
| 2 | Đạo ôn cổ bông hại lúa | 854 | 854 |  |  | -986 | -1.269 |  | LĐ. BT. BL. ST. AG. TV. KG. LA |
| 3 | Rầy hại lúa | 6.629 | 6.607 | 22 |  | -3.952 | -30.702 | 13 | LĐ. BT. ST. AG. TG. VL. LA. TV |
| 4 | Sâu đục thân  | 1.416 | 1.416 |  |  | -150 | 262 | 17 | BT. KH. NT. BL. ST. CM.TN |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa | 3.329 | 3.324 | 5 |  | -817 | -7.153 | 60 | PY. BT. ST. BL. KG. AG. ĐT. VL |
| 6 | Bệnh bạc lá lúa | 5.448 | 5.448 |  |  | 1.069 | -5.660 |  | BL. ST. AG. ĐT. KG. TV |
| 7 | Chuột hại lúa | 4.136 | 4.135 | 1 |  | -331 | 656 | 169 | BL. ST. AG. BD. CM. BT. PY |
| 8 | Ốc bươu vàng hại lúa | 2.854 | 2.781 | 74 |  | 382 | -2.698 | 1.374 | LĐ. KH. AG. LA. KG. BL. HG. CM |
| 9 | Bệnh khô vằn hại lúa | 3.393 | 3.393 |  |  | 3.270 | 658 |  | GL. BTh. BL. HG. VL. TN. ST. HCM |
| 10 | Bệnh đen lép hạt lúa | 3.083 | 3.083 |  |  | -622 | -3.033 |  | BL. AG. KG. ST. ĐT. HG. BTh. LĐ. NTh. PY |
| 11 | Chổi rồng nhãn | 1.984 | 1.514 | 470 |  | 14 | -2.440 |  | VL. ĐT. ST. CT. BP. BT. HG. TG . BRVT |
| 12 | Bệnh đốm nâu thanh long | 1.296 | 1.295 | 1 |  | 509 | -1.714 | 600 | LA. TG. ĐN. BRVT. BTh |
| 13 | Bọ cánh cứng hại dừa | 8.029 | 7.792 | 237 |  | 74 | -1.767 |  | BT. CM. ST. TV. KG. TG. VL |
| 15 | Tuyến trùng hại tiêu | 4.394 | 3.167 | 1.228 |  | 148 | 802 | 252 | QTri. GL. ĐN. ĐL. BP. ĐN. KG. BD |
| 16 | Bệnh chết chậm hại tiêu | 4.236 | 3.368 | 868 |  | 526 | 86 | 271 | QT. QB. TTH. GL. ĐN.ĐL. LĐ. BT. BP. VT. KG. ĐN. BD |
| 17 | Bệnh chết nhanh hại tiêu | 551 | 540 | 11 |  | -254 | -660 | 133 |  Q.Trị. Huế. GL. ĐN. ĐL. LĐ. BT. BP. KG. ĐN |
| 18 | Bệnh khô cành cà phê | 13.805 | 13.755 | 50 |  | 814 | 3.299 | 4.611 | SL. ĐB. QTri. LĐ. GL. BP. Đn |
| 19 | Bệnh gỉ sắt hại cà phê | 9.010 | 8.915 | 95 |  | -100 | 354 | 3.739 | ĐB. Q Trị. GL. LĐ. KH |
| 20 | Bọ xít muỗi hại cà phê | 2.188 | 2.188 |  |  | -75 | -1.490 |  | L.Đồng |
| 21 | Bọ xít muỗi hại chè | 1.929 | 1.929 |  |  | 7 | -127 | 1.600 | TN.. YB. LĐ. GL. |
| 22 | Bọ xít muỗi hại điều | 6.475 | 6.475 |  |  | 5.708 | 5.476 | 3.531 | LĐ. GL. BTh. ĐL. BP. ĐN |
| 23 | Bệnh thán thư hại điều | 12.186 | 11.847 | 339 |  | 2.911 | -23.594 | 3.283 | LĐ. BT. ĐLak. BP. ĐN |
| 24 | Sâu đục thân/cành điều | 5.610 | 5.574 | 36 |  | 1.757 | -1.846 | 626 | LĐ. GL. ĐL. BP. ĐN. BD |
| 25 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 34.374 | 29.865 | 4.509 |  | 493 | 15.462 | 6.032 | TN. BD. BP. LA. ĐN. HCM. BRVT. AG. GL. ĐL. PY. BT. KH. NT. KT. LĐ. QNgai. ThH |
| 26 | Sâu keo mùa thu hại ngô  | 1.050 | 1.007 | 43 |  | 375 | 710 | 336 |  BG. SL. NA. BT. LĐ. PY. QNg. ĐL. ĐN. TN. VL. TG. AG. BP. BRVT. LA. TV. BL. ST. HG. HCM. BT. LĐ |

**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**